UBND TỈNH QUẢNG BÌNH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN**

**(Áp dụng cho năm học 20…. – 20….)**

Họ và tên:.................................................. ............................Nam, Nữ.......................

Ngày sinh:...............................................Lớp:.............. ....... .......................................

Khoa:......................................................Học kỳ:……. - Năm học**:** 20….. – 20…......

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung đánh giá** | **Điểm****tối****đa****ĐH** | **Điểm****tối****đa****CĐ** | **SV tự đánh giá** | **CS Lớp đánh giá** |
|  | **I/ ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC HỌC TẬP**  | **20** | **30** |  |  |
|  | Có ý thức và thái độ trong học tập (đi học đúng giờ, tham gia thảo luận, chuẩn bị bài tốt...)(Đi học muộn, bỏ học giữa giờ không lý do bị trừ 2 điểm/lần; mỗi buổi nghỉ học không phép bị trừ 2 điểm/ lần; không đủ điều kiện dự thi 01 học phần bị trừ 02 điểm. Không đủ điều kiện dự thi từ 02 học phần trở lên bị trừ hết số điểm còn lại của tiêu chí) | **3** | **5** |  |  |
|  | Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi | **2** | **2** |  |  |
|  | Nghiên cứu tài liệu tại Trung tâm học liệu (TTHL) ít nhất 10lần/kỳ (có xác nhận của TTHL) | **2** | **3** |  |  |
|  | Thưởng điểm cho kết quả học tập (áp dụng kết quả thi lần 1) |  |  |  |  |
| ĐTBCHK từ 3.2 đến 4.0 | **6** | **10** |  |  |
| ĐTBCHK từ 2.0 đến 3.19 | **5** | **9** |  |  |
| ĐTBCHK dưới 2.0 | **0** | **0** |  |  |
|  | Đạt giải Olympic hoăc NCKH - cấp Trường - cấp Khoa | **5****3** | **6****4** |  |  |
|  | Tham gia các cuộc thi, các CLB học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa (có xác nhận của đơn vị tổ chức). | **2** | **4** |  |  |
|  | **II/ ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ, QUY ĐỊNH TRONG NHÀ TRƯỜNG**  | **25** | **25** |  |  |
|  | Thực hiện đúng các quy chế của Bộ GD& ĐT và quy định của Nhà trường: Quy chế Đào tạo, Quy chế công tác HSSV, các quy đinh của Trường Đại học Quảng Bình | **5** | **5** |  |  |
|  | -Thực hiện tốt nội quy, quy chế của Nhà trường:+ Trang phục lịch sự, đúng quy đinh, mang thẻ sinh viên khi đến trường (4 điểm) (Không đeo thẻ SV khi đến trường bị trừ 2 điểm/lần)+ Không nói tục, chửi thề, không gây mất trật tự trong lớp học, không hút thuốc lá trong khuôn viên Trường, giữ gìn vệ sinh chung trong lớp học và khuôn viên Trường (4 điểm) (Hút thuốc lá trong khuôn viên Trường bị trừ 2 điểm/lần)+ Tôn trọng, lễ phép với cán bộ, viên chức, nhân viên trong Nhà trường, thực hiện tốt các quy định của Khoa (4điểm) (Có hành vi, lời nói vô lễ với cán bộ, giảng viên, công nhân viên Nhà trường bị trừ 10 điểm/lần 1; (\*)) | **12** | **12** |  |  |
|  | Thực hiện nghĩa vụ SV, đóng học phí, đoàn phí, hội phí đầy đủ, đúng hạn, | **5** | **5** |  |  |
|  | Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ, được công nhận cảm tình Đảng, được xét kết nạp Đảng. | **3** | **3** |  |  |
|  | Vi phạm nội quy mượn, trả sách thư viện, bị nhắc nhở, phê bình | **-2/lần** | **-2/lần** |  |  |
|  | Có hành vi làm mất vệ sinh môi trường hoặc không tham gia phong trào xanh, sạch, đẹp do lớp, khoa, Trường phát động | **-2/lần** | **-2/lần** |  |  |
|  | Không thực hiện nhiệm vụ trực nhật | **-2/lần** | **-2/lần** |  |  |
|  | Không tham gia học Tuần sinh hoạt công dân HSSV | **-2/buổi** | **-2/buổi** |  |  |
|  | **III/ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, VĂN NGHỆ, THỂ THAO, PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ CÁC TỆ NẠN XÃ HỘI**  | **20** | **20** |  |  |
|  | Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao: (tối đa không quá 9 điểm; mỗi hoạt động cộng 3 điểm)\* Đối với học kỳ I: Tham gia Tuần sinh hoạt công dân HSSV đầu năm học, nếu: - Đạt yêu cầu: 5 điểm- Tham gia học, có bài thu hoạch nhưng không đạt yêu cầu: 3 điểm- Tham gia học nhưng không có bài thu hoạch: 1 điểm- Không tham gia; 0 điểm | **9** | **9** |  |  |
|  | Tham gia tích cực các hoạt động xã hội *(tuyên truyền bảo hiểm thân thể (BHTT), an toàn giao thông (ATGT), chữ thập đỏ (CTĐ), sức khỏe sinh sản, phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai, công tác từ thiện từ cấp khoa trở lên)*. Có xác nhận của các đơn vị tổ chức (Mỗi hoạt động 3 điểm, tối đa không quá 9 điểm) | **9** | **9** |  |  |
|  | Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: Ma túy/ HIV/AIDS, cờ bạc, lô đề, mại dâm… | **2** | **2** |  |  |
|  | **IV/ĐÁNH GIÁ VỀ PHẨM CHẤT CÔNG DÂN TRONG QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG (Mục 1, 2, 3 đánh giá theo tiêu chí có trong Phiếu nhận xét SV ngoại trú)** | **25** | **15** |  |  |
|  | Chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước và địa phương nơi cư trú | **5** | **2** |  |  |
|  | Tích cực tham gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng thành phố văn minh, hiện đại | **5** | **2** |  |  |
|  | Có lối sống lành mạnh, có mối quan hệ tốt khu dân cư nơi cư trú | **5** | **2** |  |  |
|  | -Tham gia các hoạt động lớn do Nhà trường điều động có xác nhận của Khoa, Trường -Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, bạn bè, người có khó khăn, hoạn nạn. | **5****5** | **5****4** |  |  |
|  | Vi phạm Luật giao thông, ANTT, ATXH có thông báo của các cơ quan gửi về Trường. | **-2/lần** | **-2/lần** |  |  |
|  | Có hành vi không trung thực (biết nhưng báo cáo sai sự thật, tung tin không đúng sự thật làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trong và ngoài trường) (\*) | **-2/lần** | **-2/lần** |  |  |
|  | Lợi dụng công nghệ thông tin đăng, tải, viết, tuyên truyền sai sự thật ảnh hưởng đến uy tín cán bộ, giảng viên và Nhà trường;(tùy theo mức độ có thể xử lý theo Pháp luật, theo Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT) | **-15** | **-10** |  |  |
|  | **V/ ĐÁNH GIÁ VỀ Ý THỨC VÀ KẾT QUẢ THAM GIA CÔNG TÁC CÁN BỘ LỚP, CÁC ĐOÀN THỂ, TỔ CHỨC TRONG NHÀ TRƯỜNG HOẶC SINH VIÊN ĐẠT ĐƯỢC THÀNH TÍCH ĐẶC BIỆT TRONG HỌC TẬP, RÈN LUYỆN. (Tổng điểm không quá 10 điểm)** | **10** | **10** |  |  |
|  | Lớp trưởng, Bí thư từ cấp Chi đoàn/lớp trở lên, Chủ tịch Hội sinh viên từ cấp Chi hội trở lên thực hiện tốt chức trách được giao; (Lớp/chi đoàn xếp loại Tốt). | **6** | **6** |  |  |
|  | Lớp phó, Phó bí thư từ cấp Chi đoàn trở lên, Phó chủ tịch Hội sinh viên từ cấp Chi hội trở lên thực hiện tốt chức trách được giao; (Lớp/chi đoàn xếp loại Tốt). | **4** | **4** |  |  |
|  | Tổ trưởng, ủy viên Ban chấp hành (BCH) từ cấp Chi đoàn, Chi hội trở lên thực hiện tốt chức trách được giao; (Lớp/chi đoàn xếp loại Tốt). | **2** | **2** |  |  |
|  | Là thành viên BCS, BCH từ cấp Chi đoàn, Chi hội sinh viên trở lên, nhưng không hoàn thành nhiệm vụ, không gương mẫu trước tập thể; hoặc tập thể lớp bị xếp loại trung bình, yếu (Trừ theo mức tương đương được cộng theo từng chức vụ). | **-6** | **-6** |  |  |
|  | Sinh viên đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện, nếu:-Đạt bằng khen: 4 điểm- Đạt giấy khen: 3 điểm | **4** | **4** |  |  |
|  | **Tổng điểm tối đa** | **100** | **100** |  |  |

***Ghi chú:***

- Hiến máu tình nguyện: Tham gia xét nghiệm nhưng không được hiến: +5 điểm/lần; tham gia Hiến máu tình nguyện: + 10 điểm/lần.

*- Nếu sinh viên tham gia nhiều CLB/hoạt động thì lựa chọn 1 CLB/hoạt động tham gia tốt nhất để xác nhận.*

*(\*) Nếu còn tái phạm sẽ bị xử lý theo Quy chế 42/2007/QĐ-BGDĐT (đối với sinh viên cao đẳng ) và Thông tư 10/2016/TT-BGDĐT (đối với sinh viên đại học).*

Những sinh viên vi phạm kỷ luật sẽ bị trừ điểm trong tiêu chí tương ứng và trừ đến khi điểm của tiêu chí đó bằng 0 (không có điểm âm trong từng tiêu chí); sinh viên vi phạm nhiều lần ở từng tiêu chí, nếu đã trừ hết số điểm của tiêu chí đó mà còn vi phạm thì tiếp tục trừ điểm trong nội dung đó, nếu trừ hết điểm của nội dung đó mà vẫn vi phạm thì sẽ trừ vào điểm tổng của 5 nội dung.

 - Nếu SV bị kỷ luật sẽ bị trừ điểm như sau:

 + Bị khiển trách cấp khoa: Trừ 05 điểm

 + Bị cảnh cáo cấp khoa: Trừ 10 điểm

 + Bị khiển trách trước toàn trường: Trừ 20 điểm

 + Bị cảnh cáo trước toàn trường: Trừ 30 điểm

 + Bị đình chỉ có thời hạn: Năm bị đình chỉ xếp loại rèn luyện kém.

* Phân loại, xếp hạng Điểm rèn luyện như sau:

\* Đại học

+ Từ 90 đến 100 điểm: Loại xuất sắc;

+ Từ 80 đến dưới 90 điểm: Loại tốt;

+ Từ 65 đến dưới 80 điểm: Loại khá;

+ Từ 50 đến dưới 65 điểm: Loại trung bình;

+ Từ 35 đến dưới 50 điểm: Loại yếu;

+ Dưới 35 điểm: Loại kém.

\*Cao đẳng

+ Từ 90 đến 100 điểm: Loại xuất sắc;

+ Từ 80 đến dưới 90 điểm: Loại tốt;

+ Từ 70 đến dưới 80 điểm: Loại khá;

+ Từ 60 đến dưới 70 điểm: Loại trung bình khá;

+ Từ 50 đến dưới 60 điểm: Loại trung bình;

+ Từ 30 đến dưới 50 điểm: Loại yếu;

+ Dưới 30 điểm: Loại kém;

***Những SV có kết quả rèn luyện xếp loại khá, điểm trung bình chung học tập xếp loại khá mới được xét khen thưởng hoặc dự xét học bổng khuyến khích học tập; SV bị kỷ luật từ cảnh cáo cấp trường khi phân loại kết quả rèn luyện không được*** ***vượt quá loại trung bình;*** ***SV bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không vượt quá loại khá.***

 **KẾT QUẢ:** - Tự xếp loại RL..........................................

 - Lớp xếp loại RL:......................................

 - Khoa xếp loại RL:.....................................

|  |  |
| --- | --- |
| **GIẢNG VIÊN CHỦ NHIỆM** *(Ký và ghi rõ họ tên)* | *Quảng Bình, ngày tháng năm 20* **CÁN SỰ LỚP SV TỰ ĐÁNH GIÁ** *(Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)* |